

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 07/5/2020

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Sen

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuấn – Thẩm tra viên chính Toà án nhân dân huyện Đan Phượng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đan Phượng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:12/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020; Thông báo tạm dừng phiên tòa số 02/TB-TA ngày 12/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 09/TB-TA ngày 23/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Ch1, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Cao H, xã Đức Gi, huyện Hoài Đ, Thành phố Hà Nội (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến Ch2, sinh năm 1986

Địa chỉ: Cụm 3, Vĩnh K, xã Tân H, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội (Có đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/01/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Ngô Thị Ch1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến Ch2 đăng ký kết hôn vào ngày 04/12/2017 tại UBND xã Tân Hội, trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn, chị và anh Ch2 được tự do tìm hiểu khoảng 3 tháng thông qua mạng Internet. Sau khi kết hôn, chị và anh Ch2 được bố mẹ anh Ch2 cho ở riêng trên nhà đất của bố mẹ anh Ch2. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Chị và anh Ch2 bất đồng quan điểm sống; anh Ch2 không chịu tu chí làm ăn, hay chửi và đánh chị ngay cả khi chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng được bố

mẹ anh Ch2 can ngăn, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tháng 8/2019, chị sợ anh Ch2 đánh nên đã chuyển về ở hẳn nhà bố mẹ ở xã Đức Giang, huyện Hoài Đức và vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Ch2.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên cháu là Nguyễn Văn C, sinh ngày 18/01/2018. Ly hôn chị xin nuôi cháu C và không yêu cầu anh Ch2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Vợ chồng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình vợ cũng như gia đình chồng.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Tiến Ch2 trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí lời trình bày của chị Ch1. Sau khi kết hôn, anh và chị Ch1 được bố mẹ anh cho ở riêng tại nhà của bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh và chị Ch1 có thời gian tìm hiểu nhau không nhiều. Vợ chồng đi làm cùng nhau nhưng cả hai đều không chịu được nhau vì chị Ch1 cố chấp, hay nói anh nên vợ chồng đã xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Anh và chị Ch1 đã làm kinh tế riêng. Tháng 8/2019, chị Ch1 tự ý chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và anh chị cũng sống ly thân từ đó cho đến nay. Chị Ch1 xin ly hôn anh thì anh đồng ý. Do anh phải đi làm ăn xa nhà nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị Ch1 trình bày là đúng. Ly hôn anh đồng ý chị Ch1 nuôi cháu C vì cháu C còn nhỏ và đồng ý với yêu cầu của chị Ch1 không cấp dưỡng nuôi cháu C.

Về tài sản chung, nợ: Quá trình vợ chồng chung sống cùng nhau không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ. Vợ chồng không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung của gia đình vợ cũng như gia đình chồng.

Tại phiên tòa: Chị Ch1 giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án. Chị và anh Ch2 không còn tình cảm với nhau nên chị cương quyết xin ly hôn anh Ch2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, thu thập chứng cứ, tài liệu, thời hạn chuẩn bị xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng theo trình tự Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Ngô Thị Ch1 và anh Nguyễn Tiến Ch2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Ch1 xin ly hôn anh Ch2 đồng ý. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình cho chị Ngô Thị Ch1 được ly hôn

anh Nguyễn Tiến Ch2. Về con chung, giao cho chị Ngô Thị Ch1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn C. Chị Ch1 không yêu cầu anh Ch2 cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Ch2 đến khi có quyết định khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Ngô Thị Ch1 có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến Ch2 có địa chỉ tại cụm 3, xã Tân H, huyện Đan Ph, Thành phố Hà Nội. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Ch2 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, chị Ch1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do vậy, Tòa án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc, giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt anh Ch2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 207, Điều 208, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị Ch1 xin được ly hôn với anh Ch2.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Ch1 và anh Ch2 kết hôn vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân H trên cơ sở tự nguyện là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị Ch1, anh Ch2 sống cùng nhau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được bố mẹ anh Ch2 can ngăn, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Chị Ch1, anh Ch2 đã sống ly thân nhau từ tháng 8/2019 đến nay, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị Ch1 xin ly hôn, anh Ch2 đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Ch1 và anh Ch2 đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ch1, xử cho chị Ngô Thị Ch1 và anh Nguyễn Tiến Ch2 được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Xét yêu cầu của chị Ch1 xin được nuôi cháu Nguyễn Văn C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Nguyễn Văn C, sinh ngày 18/01/2018 đến thời điểm xét xử cháu Công dưới 36 tháng tuổi. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Văn C cho chị Ch1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy chị Ch1 không yêu cầu anh Ch2 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ: Chị Ch1, anh Ch2 xác định vợ chồng không có tài sản chung gì, không vay nợ ai cũng như không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Ngô Thị Ch1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị Ch1. Cho chị Ngô Thị Ch1 và anh Nguyễn Tiến Ch2 được ly hôn.

2. Về con chung: Chị Ngô Thị Ch1 và anh Nguyễn Tiến Ch2 có 01 con chung tên cháu là: Nguyễn Văn C, sinh ngày 18/01/2018. Giao cháu Nguyễn Văn C cho chị Ch1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Chị Ch1 không yêu cầu anh Ch2 cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ch2 cho đến khi chị Ch1 có yêu cầu hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh Ch1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Không có

4. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Ngô Thị Ch1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0014305 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Chị Ngô Thị Ch1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Tiến Ch2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận

- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thu

